

LÀM SAO ĐỂ CHUYỂN NGHIỆP

Dù rằng đã biết Nghiệp (kamma hay Karma) được định nghĩa là một hành động có chủ tâm, nhưng ý niệm **Nghiệp Báo** phải được hiểu là kết quả của sự tương tác giữa 3 yếu tố : di truyền, môi trường sống và ý chí. Tại sao có người sinh ra đã bị cụt tay cụt chân, đui mù câm điếc, có người sinh ra trong một gia đình giàu sang quyền quý, người khác lại sinh ra trong cảnh nghèo hèn, túng quẫn. Có người 15 tuổi còn đi chăn trâu, nhưng 30 tuổi đã thành bác sĩ. Vậy thì nghiệp là chi ? có thể thay đổi được hay không và làm cách nào?

Không phải tất cả những gì xảy ra trong cuộc sống đều là nghiệp quả, Và lại trong kinh điển Phật Giáo có đề cập đến 5 loại định luật chi phối vũ trụ và con người : vật lý, sinh học, tâm lý, nhân quả, pháp giới. Nghiệp nằm trong định luật Nhân Quả thuộc lãnh vực tinh thần đạo đức. Định luật pháp giới bao gồm tất cả những định luật không nằm trong đó.

Về sự di truyền, chúng ta có 2 loại: vật thể và tinh thần. Sự di truyền vật thể được qui định bởi những **định luật về sinh học** như định luật Mendel chẳng hạn (1865). Cha mẹ truyền cho con cái những đặc tính hình thể (vóc dáng, màu da, màu tóc...), những bệnh tật, khả năng tinh thần...nhờ lưu truyền các **di-tổ** (gènes). Các di-tổ là một đoạn của những phân tử ADN(acide désoxyribonucléique) có trong các tế bào của mỗi sinh vật. Chúng ảnh hưởng và điều khiển sự phát triển cũng như sự vận hành tất cả các cơ quan và hệ thống của cơ thể, giống như một cẩm nang ghi chép những chương trình phải thi hành để phát triển, tồn tại, sinh sản, già nua và cả sự chết.

Sự di truyền về tinh thần thì tế nhị hơn, được giải thích bởi Phật Giáo, được lưu truyền qua các **chủng tử** của dòng tâm hữu-phần (A-lại-da thức), *chủng tử là những thông tin đã được mã-hóa (encodé) và được ghi chép xuống dòng hữu phần* rồi được chuyển từ **tâm tử** sang cho **tâm tái sinh** lúc con người vừa mới mất. Những chủng tử này được lưu trữ trong ký ức của mỗi cá nhân từ đời này sang đời khác từ vô lượng kiếp luân hồi, nó không tùy thuộc huyết thống ông bà, cha mẹ mà tùy thuộc vào nghiệp hành (nhân) mà mỗi cá nhân đã tạo từ quá khứ và chỉ chờ hội đủ nhân duyên để thể hiện thành nghiệp quả. Sự di truyền tinh thần được qui định bởi những **định luật sau đây** :

-ĐL« nhân-duyên-quả » : *nhân khi hội đủ duyên mới sinh ra quả*

-ĐLTâm-Não :*như tâm ảnh hưởng trên vật chất và ngược lại* -

-ĐL về cách hành động của Tâm : Tâm có 2 cách hành động : tự động không cần suy nghĩ và chủ động cần suy nghĩ, chọn lựa, kiểm soát.

-ĐL về Trí nhớ : liên quan đến trí nhớ dài hạn như tn Hiện thị (explicite) và tn Ẩn thị (implicite, như tn phương cách làm= m.procédurale)...Trí nhớ Hiện thị phải trải qua 4 giai đoạn để được ghi xuống bộ phận ghi nhớ: chuyển đổi thành mã hiệu hay mã số một thông tin, kỷ niệm (encodage, mã hóa), lưu trữ, gọi lại và quên. Muốn nhớ cho dài lâu phải lập đi, lập lại với những khoảng cách tăng dần theo thời gian .

-ĐL về Ý chí : bao gồm ý nguyện, quyết tâm, thực hiện và kết quả

-ĐL về Năng lượng Tinh thần : tất cả những việc làm của tâm đều phải cần tới năng lượng. Năng lượng tinh thần chi phối Ý định của tâm, trạng thái của tâm và việc làm của tâm

-ĐL về truyền tải thông tin trong cơ thể và óc não: đây là một trường-sinh-động (matrice vivante) có sự trao đổi thông tin liên tục, không ngừng nghỉ.

-ĐL « Đồng thanh tương ứng, Đồng khí tương cầu » : cùng một âm thanh, tiếng nói thì có thể cộng hưởng với nhau, « cùng một khí loại thì tìm nhau, như đá từ thạch thì hút sắt, hổ-phách thì hút hột cải (Đào Duy Anh, Hán Việt Từ Điển) ». Khoa học ngày nay cũng nói như thế : những vật thể có cùng tần số rung động (fréquence vibratoire) thì có thể hoà âm với nhau hay cùng một hệ số năng lượng (tiềm lực) thì thu hút, lôi cuốn nhau.

-ĐL về thói quen : là một sinh hoạt trí não, lời nói hay tay chân được lập đi lập lại nhiều lần thành thói quen khó bỏ. Có 4 loại thói quen: tinh thần, lời nói, tay chân, bệnh lý (TOC : trouble obsessionnel compulsif)...Người bị chứng bệnh này, trong đầu cứ bị ám ảnh bởi một ý tưởng cứ lập đi lập lại một sơ đồ bệnh lý như sợ dơ bẩn cứ phải rửa tay hằng chục lần, hoặc sợ bị trộm cứ phải khóa cửa tới khóa cửa lui, có người bị ám ảnh bởi bệnh hoạn, cứ phải đi hết bác sĩ này tới bác sĩ khác. Những người này cần phải được trợ giúp bởi liệu pháp nhận-thức hành-vi (thérapie cognitivo-comportementale)

Bản chất của nghiệp là một tâm thiện hay tâm bất-thiện thực hiện qua tư tưởng, lời nói hay hành động, dưới sự điều khiển của sự cố tâm, (tâm sở Tư). Tâm này được ghi chép xuống bộ nhớ của óc não và có thể lưu truyền đến những kiếp sau, như trong trường hợp những người nhớ được tiền kiếp của mình hay Đức Phật thuật lại lúc ngài đắc Túc Mạng Minh ngài thấy rõ tất cả những tiền kiếp của ngài...Rồi khi nhân duyên hội đủ, Quả sẽ trở ra ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý làm cho chủ nhân của nghiệp sẽ đau đớn khổ sở (quả xấu) hay vui mừng, an lạc (quả tốt) như chính mình là nạn nhân của mình. Quả cũng là một tâm (các tâm quả vô nhân) xảy ra trên dòng tâm trôi chảy liên tục từ vô thủy luân hồi cho đến khi dòng tâm đó chấm dứt khi đạt đến Niết Bàn tịch diệt. **Sự tương quan giữa nghiệp và quả thật không thể biết được:** tại sao quả lại trở như

thế này, trong hoàn cảnh này, vào lúc này mà không phải lúc khác? Bởi vì có tới 24 duyên (điều kiện được ghi trong định luật Nhân-Duyên-Quả) chi phối tương quan này. Có những duyên thuộc không gian, thời gian, (trước, sau, đồng thời, liên tục), thuộc tính cách tương sinh, tương khắc, hỗ tương, tương đồng, phương tiện, sức mạnh của nghiệp (như Năm đại tội phải trả quả trong kiếp hiện tại hay kiếp kế tiếp liền sau đó). Chỉ trừ những vị đã đắc Túc Mạng Minh và Thiên Nhân Minh như Đức Phật và ngài Anurudha hay vài vị khác mới thấy rõ nghiệp gì sinh ra quả gì.

Giữa thế kỷ 20, các nhà sinh học bắt đầu nghiên cứu **ảnh hưởng của môi trường** trên sự biểu hiện của những đặc tính di truyền và nhận thấy rằng di truyền học tự nó không giải thích được những thay đổi của sự biểu hiện các đặc tính này. Nhà sinh học Anh Conrad Waddington (1905-1975) đưa ra thuyết Ngoại Di Truyền bằng cách ráp chữ biểu sinh (épigénèse) và chữ di truyền (génétique) thành chữ épigénétique (Ngoại Di Truyền); theo đó môi trường sinh sống, cách sinh sống ảnh hưởng rõ ràng trên sự biểu hiện của các di-tổ (gènes). Chẳng hạn không phải vì chúng ta mang trong người những di-tổ của một bệnh di truyền mà bệnh này bắt buộc phải phát ra. Chúng có thể nằm yên đó, nếu chúng ta biết sống lành mạnh (ăn uống chừng mực, ngủ nghỉ đều độ, vận động thân thể, tâm thái an tịnh, quân bình thân tâm...). Môn học Ngoại Di Truyền ngày càng phát triển và đưa ra những minh chứng vững chắc về ảnh hưởng của môi trường sống và sinh lực tinh thần ảnh hưởng trên sức khỏe và tuổi thọ của con người. Chẳng hạn 2 đứa trẻ sinh đôi có cùng hệ thống di-tổ (génome) được nuôi dưỡng trong 2 gia đình khác nhau sẽ có cá tính, những sở thích và bệnh hoạn khác nhau. Ngược lại trong một gia đình mà đa số các con là con gái, chỉ có đứa nhỏ nhất là con trai, thì cậu này có tánh tình, điệu bộ, sở thích rất là đàn bà và lớn lên muốn đổi giống thành đàn bà (hay ngược lại cũng vậy).

Bây giờ chúng ta nói đến **thế nào là ý chí? Tác động của nó như thế nào ?**

- a) Ý chí là cương quyết hành động để đạt tới mục đích dự tính, điều này đòi hỏi khả năng biết chọn lựa cách làm và phương tiện thực hiện thích hợp nhất
- b) kế đến là soạn thảo ra một chương trình hành động với những ước tính điểm khởi đầu, điểm kết thúc và những kế hoạch trung gian.
- c) biết phê phán, đánh giá những chọn lựa một cách xác đáng.
- d) *sau cùng đảm trách sự kiểm soát để tự điều chỉnh và duy trì công trình cho tới thành tựu mỹ mãn.*

Ba yếu tố Di truyền, Ngoại di truyền (ảnh hưởng của môi trường sống) và Ý chí tương tác với nhau tạo thành nghiệp. Nghiệp là một hành động có chủ tâm,

cố ý (Tư) thể hiện qua tư tưởng, lời nói hay việc làm dựa trên **ký ức (tưởng)**, được hướng dẫn bởi **sự hướng tâm (tác ý)**. Tư như người tài công, ký ức như bản đồ và hướng tâm như bánh lái. Nếu người tài công chọn lựa con đường đúng thì con tàu sẽ đến nơi đến chốn, nếu không con tàu sẽ đi lạc trong cõi sa mù lầm lỡ.

Ta có thể chuyển nghiệp được hay không?

Khác với Ấn-Độ-Giáo xem nghiệp là định mệnh không thể thay đổi; tất cả những gì xảy ra trong cuộc sống hiện tại là do kết quả tất yếu của những hành động trước đây hoặc trong những kiếp trước. Như vậy con người không thể làm gì được. Lối suy nghĩ như vậy có thể biện minh cho tất cả những khổ đau hay bất công mà con người phải chịu trả và sự xuôi tay bất lực của cá nhân hay của cả tập thể như tình trạng đã và đang xảy ra trong xã hội Ấn-Độ, mà đa số người dân thuộc Ấn Độ giáo làm cho sự chênh lệch giữa giàu nghèo thật kinh khủng. Người nghèo vẫn cứ nghèo vì chấp nhận số mệnh của mình; còn người giàu thì cứ thụ hưởng sự giàu sang không cần lo cho đám nghèo hèn kia làm gì. (vì số phận của chúng nó phải như vậy mà!)

Thuyết thứ hai mà Đức Phật bác bỏ là thuyết Tiền Định hay Thiên Mệnh. Phật giáo không phủ nhận sự hiện hữu của các thiên chúng ở thiên giới, nhưng họ có cuộc sống của họ, có nghiệp quả của họ không liên quan gì đến con người. Họ coi con người là những sinh vật xấu xa, dơ bẩn mà họ muốn xa lánh, con người đừng mong mỗi gì được họ đoái hoài thương phạt...Nếu nói rằng có một đấng tối cao tiên định số phận của con người, ban bố hình phạt và phần thưởng cho con người thì chúng ta nghĩ sao về nhận xét của nhà bác học Einstein: «nếu Thượng đế là toàn năng, tức nhiên mỗi điều gì xảy ra, mỗi hành động và tư tưởng con người, mỗi cảm giác và nguyện vọng của con người đều do ngài, vậy làm sao ta có thể nghĩ rằng con người bị bắt buộc phải chịu trách nhiệm về những hành động và tư tưởng của mình trước đấng Toàn Năng ấy». Do đó con người có thể tự do cải thiện cuộc đời và thân phận của mình; với ý chí con người có thể cải nghiệp bằng những cách sau đây:

1/- Trước hết phải biết phân biệt *Thiện* và *Bất Thiện*:

Thiện là những yếu tố hỗ trợ ta tiến bước dễ dàng trên con đường giải thoát. Bất thiện là bất cứ nghịch duyên do tư tưởng, lời nói hay hành động làm ngăn trở sự tu tiến của ta. Tâm lý học Phật giáo đưa ra 5 tiêu chuẩn bao gồm trong điều Thiện như sau:

-lành mạnh không phát sinh từ các phiền não (tham,sân,si)

-có lợi ích cho cá nhân và tập thể,

-có tính cách khôn ngoan sáng suốt

-không làm cho bậc thiện-trí phiền trách, tự mình cũng không ăn năn hối tiếc

-có kết quả là an lạc, hạnh phúc cho mình và cho người.

Bất Thiện là trái với định nghĩa trên đây về điều Thiện, nhưng bản thể của nó không ra ngoài Tham, Sân, Si. Đôi khi chúng mang những tên gọi khác nhau tùy theo ngữ cảnh như: phiền não, lậu hoặc, triền cái, chấp thủ, tà kiến...

2/- Kế tiếp phải biết *những điều kiện sinh ra điều Thiện và điều Ác*:

*Điều kiện sinh ra điều Thiện:

-*Thân cận bậc thiện-trí* (gần mực thì đen, gần đèn thì sáng)

-*Sống ở nơi (trong nước) đáng sống*; có *Chánh Pháp*, nơi tôn trọng giá trị *tinh thần, đạo đức*

-*Có thói quen làm lành* (Đời trước đã từng tạo phước)

-*Quyết tâm làm lành* (Tinh tấn)

-*Gìn giữ giới luật*

-*Luyện tập Chánh niệm, Tỉnh giác, và Hướng thiện nhờ hành Thiền Quán.*

*Điều kiện sinh ra điều Bất Thiện:

-Thân cận hạng người gian ác

-Sống trong một nước chỉ biết vật chất và tiền bạc, không biết giá trị tâm linh và đạo đức.

-Không có thói quen hành thiện

-Chỉ biết làm điều bất chánh

-không gìn giữ giới luật

-Chỉ biết hủ tục thờ cúng, tụng niệm mê tín dị đoan.

3/- Phải hiểu nguyên nhân tạo Nghiệp:

Trong Định luật Duyên-khởi (hay Mười hai Nhân Duyên) ta thấy: **Vô Minh** →

Hành → Thức → Danh Sắc → Lục Căn → Xúc → Thọ → **Ái** → **Thủ** → **Hữu** → Sanh →

Lão Tử → (Vô Minh) ...

***Vô Minh** là điều kiện sinh ra **Hành** xảy ra trong kiếp quá khứ: bản chất của Vô Minh là tâm sở Si, là sự không sáng suốt, mù mờ của Tâm diễn tiến trên sự Hoài nghi và Phóng tâm, không biết những gì xảy ra trong thân tâm mình và không thấu rõ cái đáng biết:

-Cái đáng biết: khổ đau, nguồn gốc của nó, trạng thái giải thoát khỏi khổ đau và con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau (Tứ Diệu Đế); cũng như: pháp

thiền để nhận diện khổ đau, nhận diện chính mình và tha nhân, sự luân hồi , nhân quả nghiệp báo.

-Hành ở đây là tất cả nghiệp bất thiện và nghiệp thiện qua ý nghĩ, lời nói và việc làm. Chẳng hạn tư tưởng tham ái và ngã mạn, ý nghĩ sân hận và bạo hành, những tư tưởng diễn dịch sai sự thật, những tư tưởng đi ngược lại với định luật thiên nhiên và con người.

***Ái thủ** là điều kiện (duyên) sinh ra **Hữu**, là nghiệp xảy ra trong đời sống hiện tại. Trong định luật Duyên khởi, đây là cái khâu quan trọng nhất để thoát khỏi vòng luân hồi, bởi vì nó xảy ra trong kiếp sống hiện tại nên ta có thể tác động được. Ái là tham lam, ham muốn, khao khát, tầm cầu. **Ái thủ** là bám víu vào những dục lạc của thế gian. Chúng ta muốn nhìn thấy màu sắc hình ảnh đẹp mắt, muốn nghe những âm thanh êm dịu, muốn ngửi những mùi hương nồng nàn, muốn ăn những món ngon béo, muốn sờ đụng những vật mịn màng, muốn hay biết những điều kích động...Chữ **Hữu** (existence, devenir) cũng chỉ định những cõi sinh tồn khác nhau trong 3 cõi dục giới, sắc giới, vô-sắc giới và đồng thời cũng nói lên tiến trình đưa đến sự tái sinh trong những cõi đó.

Như vậy Vô Minh và Ái Thủ là nguyên nhân tạo nghiệp.

4/-Phải hiểu cơ chế vận hành của Tâm:

**Từ cảm giác đến Tri giác.*

Những ba động (vibrations) đến từ thế giới bên ngoài được tiếp nhận bởi năm giác quan làm rung động các dây thần kinh cảm giác. Các ba động này sau khi đã xuyên qua các giác quan chúng trở thành những **cảm giác** và được đưa vào thế giới bên trong là *thế giới của não bộ*. Ngoài những cảm giác chuyên biệt của mỗi giác quan như cảnh sắc, âm thanh, mùi vị, xúc chạm, ta có những cảm giác chung như: nóng lạnh/ cứng mềm/đau sưng/ khô ẩm/ chuyển-động bất-động và những cảm giác định tính: dễ chịu, khó chịu, trung tính.

Sau khi đi ngang qua một giác quan, cảm giác được xử lý (traiter) bởi ý thức, được nhận diện, đặt tên và gán cho nhiều thuộc tính: xấu, đẹp, đáng ưa, đáng ghét, đáng buồn, đáng sợ,... từ đó nó trở thành một **tri giác** (perception). *Tri giác là sự diễn dịch một cảm giác thành ý nghĩa*. Như khi ta nghe một âm thanh, ta biết đó là tiếng chim hót, chứ không phải là tiếng chó sủa. Như khi ta nhìn con gà, ta biết đó là con gà chứ không phải là con chim quóc (trông gà hóa quóc). Trừ phi con người bị *chứng mất nhận thức* (agnosie) hay *chứng loạn-cảm-giác* (synesthésie: khả năng nhận biết nhiều cảm giác một lúc, cái chính thì cảm giác đúng, nhưng cái phụ là một ảo giác)

Mỗi người có một cái nhìn khác nhau về cùng một sự vật, tùy theo sự hiểu biết, trình độ văn hoá và tâm linh hay tâm trạng của người quan sát (người buồn cảnh có vui đâu bao giờ).

**Từ Tri giác đến Tư tưởng và Hành động*

Tri giác được phân tích, đánh giá, phê phán, rồi sau đó óc não sản xuất ra tư tưởng. **Tư tưởng** là sản phẩm của tâm-não. Tới đây hành trình tư tưởng sẽ chia ra hai ngã. Một ngã, chúng ta có những *tà tư duy*, những ý tưởng tiêu cực, xấu xa đen tối. Những ý tưởng này làm khởi sanh những **cảm xúc** tiêu cực như: tức giận, sợ hãi, đau buồn hoặc lo âu. Rồi những cảm xúc này, tới phiên chúng gây ra những **phản ứng** xuẩn động : mắng chửi, đánh đập, tàn hại hay tự mình làm khổ mình, khổ người. *Con người bị giam hãm trong cái vòng luẩn quẩn đen tối : tà tư duy <=> cảm xúc <=> phản ứng. Cái này sinh ra cái kia và ngược lại. Con người bị nhốt chặt trong ý nghĩ, cảm xúc và phản ứng của chính mình.*

Ngã thứ hai là ngã **chánh đạo** : con người sẽ có tư tưởng thiện lành (*chánh tư duy*), có những lời chân thật dịu dàng (*chánh ngữ*), có những hành động hướng thiện (*chánh nghiệp*) .

Cái gì có thể phá vỡ cái vòng lẩn quẩn đen tối trên và chuyển đổi, ngăn chặn ta đi theo đường tà ?

- a/ Đó là cái *ý chí không theo tà hạnh (bonne volition)* muốn hành động làm chủ cuộc đời mình, chứ không bị động quay cuồng trong vòng cảm xúc, xuẩn động. Ý chí muốn tạo nghiệp lành, không tạo nghiệp ác.
- b/ Đó là sự *chú tâm (attention)* ghi nhận sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khi nó vừa lọt vào 6 giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Ý là giác quan thứ 6 ghi nhận thế giới bên trong.
- c/ Đó là sự *sáng suốt, tỉnh giác (vigilance)* không để tham sân si chi phối tâm mình.

Ba yếu tố này là nền tảng căn bản của Thiền Quán, sẽ được rèn luyện, dùi mài khi ta thực hành thiền trên.

5/-Tại sao thiền Quán có thể cắt đứt giữa 2 mắc xích Thọ và Ái để giải thoát con người?

Nhờ chánh niệm tỉnh giác, hành giả ghi nhận được cảm thọ mỗi khi có sự tiếp xúc giữa giác quan và trần cảnh (niệm Thọ). Cũng nhờ chánh niệm tỉnh giác, ta ghi nhận được tâm tham hay tâm sân phát sinh liền sau những cảm thọ này (niệm Tâm). Thói quen tự động của tâm là mỗi lần có tâm tham hay tâm sân, nó nảy sanh liền một ý định đề thực hiện. Khi có tâm tham, ý định nổi lên sẽ là làm sao chiếm hữu, đem về làm của mình; khi có tâm sân, làm sao trả đũa, làm khổ, tiêu diệt đối tượng. Tùy theo tâm tánh và sự luyện tập của mỗi người, những ý định này có thể cao thượng hay xấu xa mà khi thực hiện, nó trở thành những nghiệp thiện hoặc nghiệp ác tày trời. *Thiền là phương cách duy nhất để phá tan những thói quen tự động của tâm, ngăn chặn một hành động sai trái, một xu hướng xấu xa, tiêu trừ một xung động (impulsivité) hay phá vỡ những*

sơ đồ tâm thức bệnh hoạn tai hại, cứ lặp đi lặp lại trong đầu làm trôi chặt con người trong vòng đau khổ sâu hận. Nhờ vậy, thiền có thể giúp điều trị một số bệnh tâm thần hay một số thói quen nghiện ngập. Một định luật của tâm là sau tiến trình tri giác thì lập tức tới tiến trình hành động xảy diễn trong lộ trình tâm. Sau khi tri giác đã nhận diện được tâm tham hay tâm sân sinh khởi, qua tới tiến trình hành động, người có tu thiền sẽ không hành động máy móc theo thói quen trước đây mà sẽ thay thế bằng sự quan sát diễn trình của chính cái tâm tham hay sân này (niệm Tâm) và thấy tự nó sẽ biến mất như tất cả những diễn trình tâm khác: xuất hiện, chuyển biến và mất đi. Do đó, hành giả tránh được những hành động tai hại (nghiệp) gây ra do tâm tham hay tâm sân này với những hậu quả khó lường. Đây là Trí Tuệ giải thoát thấy được sự xuất hiện của các tâm bất thiện, thấy được sự sanh diệt của chúng và biết cách hành xử để thoát khỏi sự chi phối của chúng nhờ Khéo tác ý (như-lý tác-ý) chuyển hướng tâm qua một thái độ thiện lành. Nếu không có ÁI hay SÂN, sẽ không có THỦ, HỮU và không có SINH. Như vậy, tiến trình Sinh Tử Luân Hồi sẽ bị cắt đứt.

Cuộc đời con người rất quý, tái sinh được làm người rất khó, cho nên chúng ta phải tận dụng kiếp này để tiến hóa trên con đường giải thoát.

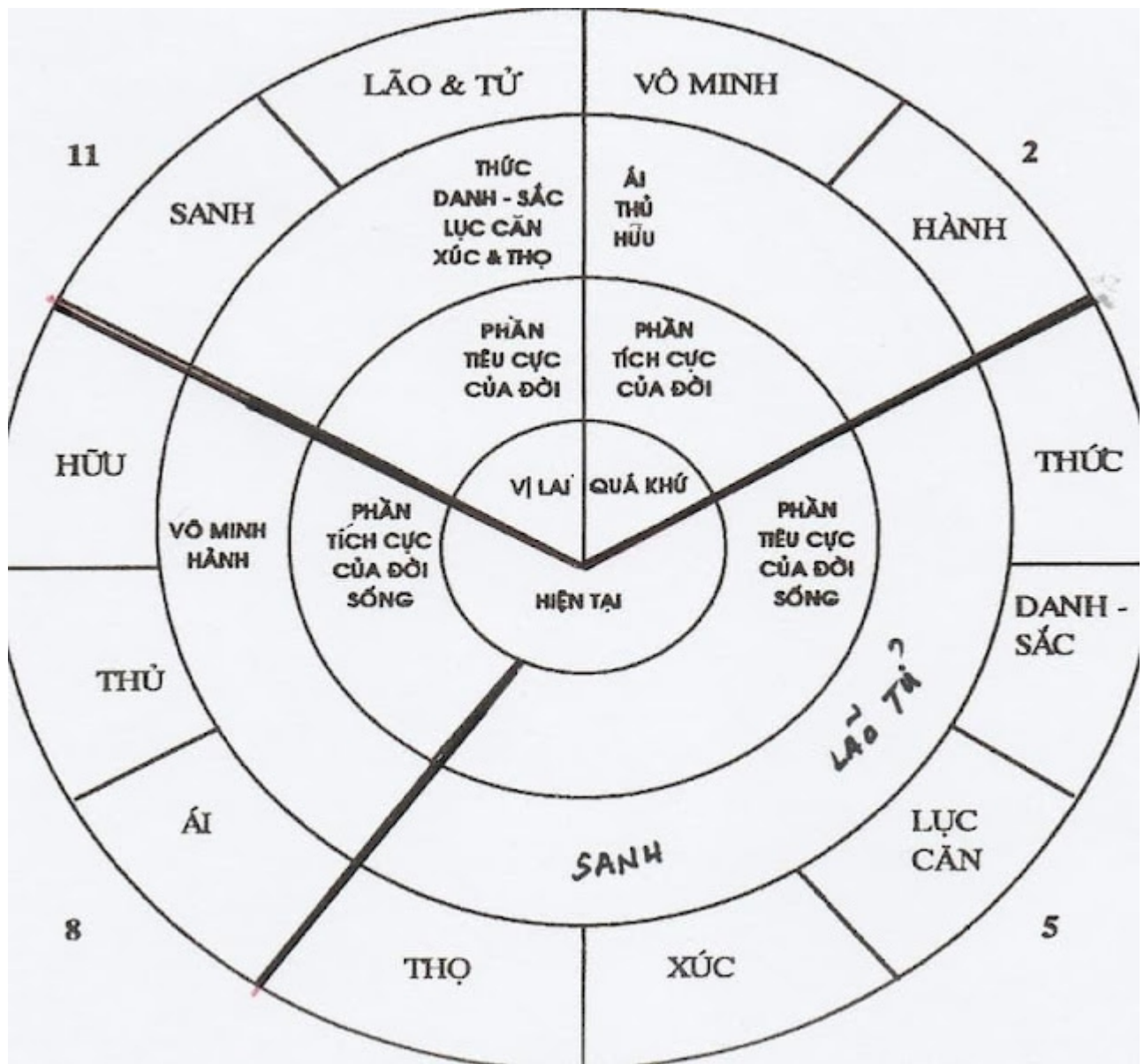
- Hãy cẩn thận trên tư tưởng, vì tư tưởng trở thành lời nói,
- Hãy cẩn thận với lời nói, vì lời nói sẽ trở thành việc làm,
- Hãy cẩn thận trong việc làm, vì việc làm sẽ trở thành thói quen,
- Hãy cẩn thận với thói quen, vì thói quen sẽ trở thành số phận cuộc đời,
Số phận cuộc đời sẽ trôi nổi, chìm đắm, luân hồi.../.

TUỆ THIỆN

27/04/2024

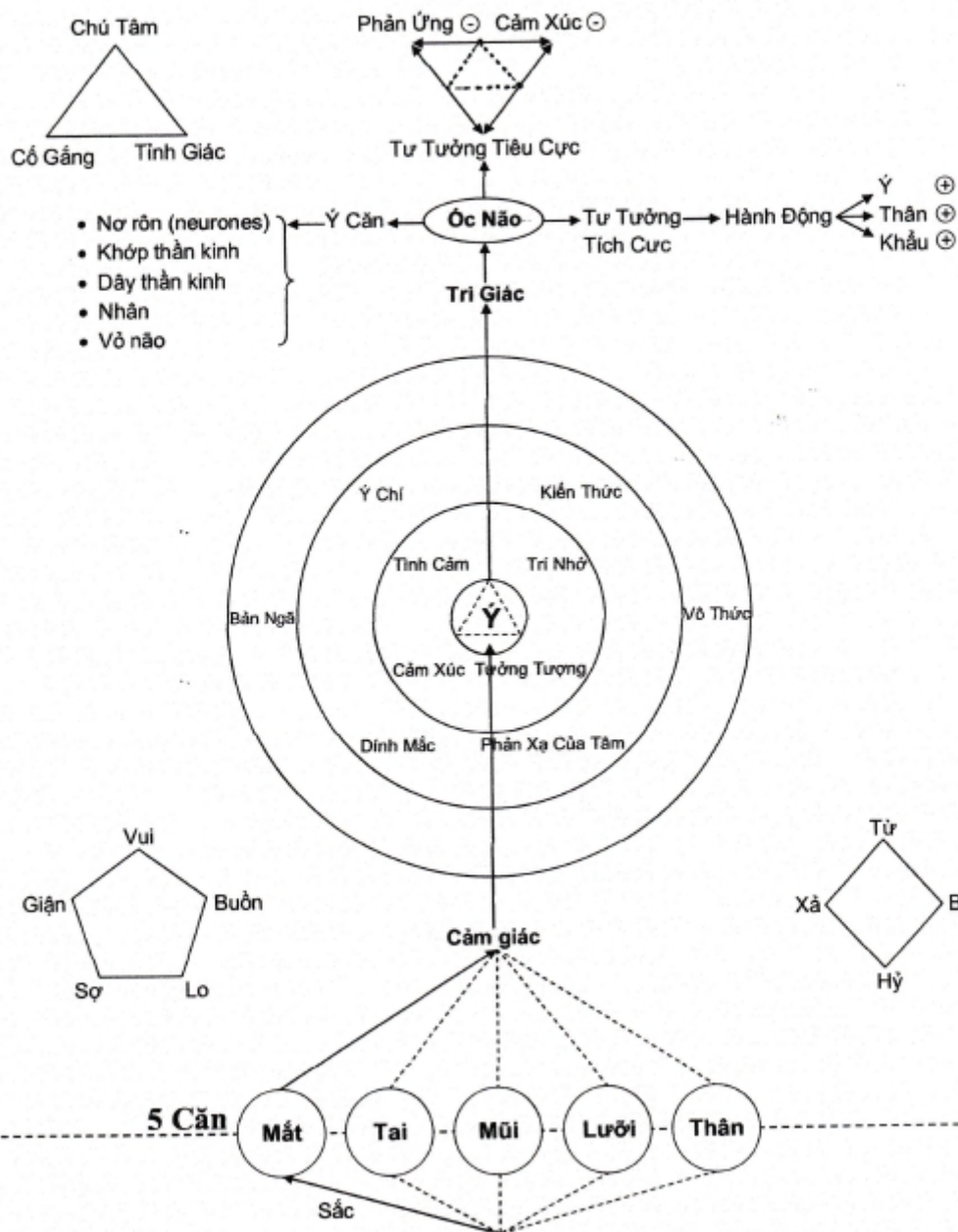
THƯ MỤC

- Đức Phật và Phật pháp/ Narada Maha Thera/ Phúc Tuệ Tịnh Môn
- Con đường giải thoát/ W.Rahula, Thích Nữ Trí Hải dịch Việt/ Phật Bảo tự
- Vi Diệu Pháp nhập môn/ TK Giác Chánh/ nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh
- Thuyết Nhân Duyên/ Nguyễn Tối Thiện/ thuvienhoasen.org
- Giáo lý Phật Giáo về nghiệp báo/ Nguyễn Tối Thiện/ nxb Tôn Giáo
- Những yếu tố ảnh hưởng đến hành động con người/ Tuệ Thiện/ thuvienhoasen.org
- Sơ đồ vận hành của Tâm Thức con người/ Nguyễn Tối Thiện/ thuvienhoasen.org
- Le code de la conscience/ Stanislas Dehaene/ Odile Jacob
- Comment la conscience contrôle le cerveau/ John C.Eccles/Fayard
- Les pouvoirs cachés de votre cerveau/ John Medina/ Leduc.S Editions



SƠ ĐỒ TÂM THỨC

THẾ GIỚI BÊN TRONG



BS. NGUYỄN TÀI THIỆN